

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH KON TUM

Bản án số: 38/2024/HS-ST

Ngày 25-9-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Trường và bà Phan Thị Anh Kim.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: ông Đàm Công Tư - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 40/2024/TLST-HS ngày 27-8-2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2024/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 9 năm 2024 đối với:

Bị cáo: D; tên gọi khác: Không; sinh ngày 21/10/2001; tại tỉnh Kon Tum; CCCD số 062201001349, cấp ngày 10/7/2023, tại Cục Cảnh sát QLHC về TTXH; Nơi cư trú: Tổ B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không ổn định; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông T và bà Q; Vợ con: Chưa có; Chi em ruột có 07 người, bị cáo là con thứ sáu trong gia đình;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/6/2024 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Th, sinh năm 2001; địa chỉ: Thôn N, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

D là người có sử dụng ma túy đá. Qua các mối quan hệ xã hội, D quen biết một người tên thường gọi là S (*không rõ nhân thân lai lịch*). Vào ngày 12/6/2024, D đi chơi tại thôn C, xã Đ thì gặp S ở ven đường H. Trong lúc nói chuyện với

nhau thì S biết được D có sử dụng ma túy nên đã cho D một gói ni lông chứa ma túy đá, D nhận và cất giấu trong người để sử dụng dần. Sau khi được cho gói ma túy, D đã tìm kiếm các đồ vật và tự chế tạo dụng cụ để sử dụng ma túy. Từ ngày 12/6/2024 đến trước khi bị bắt thì mỗi ngày D lấy một ít ma túy ra sử dụng, rồi lại cất giấu lại trong người. D chỉ sử dụng ma túy một mình, không cho ai khác sử dụng cùng. Sau mỗi lần sử dụng ma túy xong thì D tháo rời các bộ phận của dụng cụ sử dụng ma túy và cất giấu để lần sau tiếp tục sử dụng. Đến khoảng 14 giờ 30 ngày 19/6/2024, khi D đang đứng bên cạnh xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS gắn biển kiểm soát 77L1 – 921.71 tại ven đường K thuộc tổ B, thị trấn P, huyện N, thấy có biểu hiện nghi vấn Cơ quan điều tra ra hiệu kiểm tra và phát hiện D đang cất giấu 01 gói ni lông, loại có mép vuốt, có viền màu đỏ trong suốt để trong túi quần trước bên phải, kích thước (8,3 x 4,9)cm, bên trong gói ni lông này có 01 gói ni lông trong suốt kích thước (4,5 x 5,5)cm, bên trong có chứa chất rắn dạng tinh thể màu trắng, hỏi thì D khai là ma túy đá. Kiểm tra trong cốp dưới yên xe biển kiểm soát 77L1 – 921.71 có 01 túi ni lông màu đỏ, bên trong chứa: 01 công thủy tinh quần trong một lớp giấy màu trắng; 01 kéo bằng kim loại màu trắng – bạc; 01 nắp chai bằng nhựa màu trắng được đục hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn một ống hút nhựa màu vàng- trắng; 01 bật lửa màu trắng - cam. Cơ quan điều tra đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D và tạm giữ niêm phong các vật chứng theo quy định.

Tại Bản Kết luận giám định số 1348/KL-KTHS, ngày 24/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 3,10 gam.

Tại Bản Cáo trạng số: 32/CT-VKS-NH ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố D về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối với đối tượng đã cho D ma túy, D khai tên S, không rõ nhân thân lai lịch, không có người làm chứng, kết quả điều tra vẫn chưa xác định được đối tượng này. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ ‘*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*’ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đề nghị tuyên phạt bị cáo từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng đề nghị tịch thu và tiêu hủy số ma túy sau khi giám định còn lại; tịch thu và tiêu hủy các công cụ, dụng cụ mà D dùng để sử dụng ma túy. Trả lại cho anh Th xe mô tô biển kiểm soát 77L1-921.71, đã cho D

mượn xe để làm phương tiện đi vì không liên quan đến tội phạm. Buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Th khai tại hồ sơ vụ án: Anh không biết gì về việc D tàng trữ trái phép chất ma túy và cất giấu dụng cụ sử dụng ma túy trong cốp xe của mình. Vào sáng ngày 18/6/2024 D hỏi mượn xe mô tô biển kiểm soát 77L1-921.71 của anh để làm phương tiện đi lại nên anh cho mượn. Anh xin được nhận lại xe mô tô.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Thưa Hội đồng xét xử bị cáo biết sai và rất hối hận. Mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo hứa sau lần này sẽ không bao giờ vi phạm pháp luật nữa. Bị cáo sẽ cố gắng cải tạo tốt để sớm về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được đánh giá là hợp pháp.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo: Toàn bộ lời khai tại phiên tòa của D phù hợp với các lời khai và tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, thể hiện như sau:

[2.1] Theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự quy định: “*Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm*”...; các chất ma túy quy định tại điểm c gồm: “*Heroin, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR – 11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam*”.

[2.2] Tàng trữ trái phép chất ma túy là cất giữ, cất giấu bất hợp pháp chất ma túy ở bất cứ nơi nào (như trong nhà, ngoài vườn, chôn dưới đất, để trong vali, cho vào thùng xăng xe, cất giấu trong quần áo, tư trang mặc trên người

hoặc theo người...). Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào lúc 14 giờ 45 phút ngày 19/6/2024 của cơ quan Công an, tiến hành tuần tra, kiểm soát phát hiện và kiểm tra xác định D có hành vi cất giấu gói ma túy trong túi quần trước bên phải đang mặc theo người, đây chính là hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Tại Bản kết luận giám định số: 1348/KL-KTHS, ngày 24/6/2024 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng kết luận: Gói ma túy D cất giấu trong người là loại Methamphetamine, có khối lượng 3,10 gam, nguồn gốc số ma túy này là do bị cáo được một người đàn ông tên S không rõ lai lịch cho, mục đích để sử dụng. Như vậy, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của bị cáo thể hiện lỗi cố ý, đã xâm phạm đến những quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, gây thiệt hại cho lợi ích của xã hội, của công dân và gây mất trật tự an toàn xã hội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội ở mức độ nghiêm trọng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình, đúng như Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố.

[3] Về hành vi có liên quan:

[3.1.] Đối tượng S đã cho bị cáo ma túy, theo bị cáo khai quen biết S ngoài xã hội, không rõ họ tên đầy đủ, không rõ nhân thân lai lịch; bị cáo xác định đặc điểm nhận dạng S khoảng 25 tuổi, cao 1,70m, dáng người hơi gầy, nói giọng miền Bắc. Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xác minh đối tượng S đến nay chưa có kết quả nên đã tách ra để tiếp tục điều tra, xác minh và xử lý sau khi có đủ căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[3.1.] Đối với anh Th đã giao xe mô tô Biển kiểm soát 77L1-921.71 cho bị cáo mượn. Bị cáo chỉ sử dụng mô tô để cất giấu bộ dụng cụ sử dụng ma túy trong cốp xe mà không tàng trữ ma túy trong xe, anh Th cũng không biết về vấn đề này nên không phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ: Không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo. Về tình tiết giảm nhẹ: Trong suốt quá trình tham gia tố tụng từ điều tra – truy tố – xét xử bị cáo thể hiện “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[5] Về áp dụng hình phạt:

[5.1] Áp dụng hình phạt chính: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, mục đích bị cáo tàng trữ ma túy để sử dụng; bị cáo nhận thức được phần nào về tác hại của việc sử dụng ma túy nhưng chưa lường hết hậu quả của việc sử dụng ma túy sẽ gây ảnh hưởng về sức khỏe cho người sử dụng, tiêu hao tài sản kinh tế bản thân và gia đình, gây tâm lý bất ổn cho người thân khi gia đình có

người nghiện ma túy, từ việc nghiện ma túy nảy sinh nhiều mầm mống tội phạm khác như trộm cắp, cướp giật, lừa đảo...; và là một tệ nạn xã hội, cản trở sự phát triển văn minh, lành mạnh trong xã hội; mức độ hành vi nguy hiểm bị cáo gây ra là nghiêm trọng; tại thời điểm bị bắt kết quả xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể bị cáo dương tính – thuộc đối tượng sử dụng ma túy. Cần áp dụng hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và cũng nhằm răn đe cho các đối tượng khác.

[5.2] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự, đánh giá và xử lý như sau:

[6.1] Đối với số ma túy thu giữ được hoàn lại sau khi giám định là vật chứng cấm tàng trữ, lưu hành và các công cụ, dụng cụ bị cáo sử dụng ma túy là 01 túi ni lông, 01 cống thủy tinh, 01 kéo bằng kim loại, 01 nắp chai bằng nhựa, 01 bật lửa là vật không có giá trị cần tịch thu và tiêu hủy.

[6.2] Đối với xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen – xám, gắn biển kiểm soát 77L1 – 921.71; nguồn gốc xe anh Th trực tiếp mua lại của một người tên T vào tháng 5/2024, tuy chưa sang tên đổi chủ nhưng xe có giấy tờ hợp lệ, có nguồn gốc rõ ràng, không phải là tang vật, vật chứng đang được công an các đơn vị, địa phương truy tìm, xe không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo cần trả lại cho anh Th.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định pháp luật để nộp ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, 50 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Căn cứ khoản 1 các điểm a, c khoản 2 điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự về xử lý vật chứng;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự về quyền kháng cáo;

Xử:

1. Tuyên bố bị cáo D phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”;

Xử phạt D 32 (Ba mươi hai) tháng tù; thời gian tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/6/2024). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu và tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì dán kín chứa mẫu vật sau khi trích giám định được niêm phong, mặt trước có nội dung “BỘ CÔNG AN VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ SỐ: 1348/KL-KTHS”; mặt sau có các hình dấu tròn có nội dung “*VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ * PHÂN VIỆN KHOA HỌC HÌNH SỰ TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG” và có các chữ ký ghi tên của P và H niêm phong tại mép dán (*mẫu vật hoàn lại sau giám định là: 2,95 gam*).

+ 01 túi ni lông màu đỏ, 01 công thuỷ tinh đã qua sử dụng; 01 mảnh giấy màu trắng (giấy vệ sinh); 01 kéo bằng kim loại màu trắng – bạc, 01 nắp chai bằng nhựa màu trắng được đục hai lỗ nhỏ, một lỗ gắn một ống hút nhựa màu vàng – trắng, 01 bật lửa (*quẹt ga*) màu trắng – cam (tất cả đều đã qua sử dụng).

+ Trả lại cho anh Th 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, màu đen, gắn biển kiểm soát 77L1- 921.71, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29- 8 -2024 giữa cơ quan Công an huyện N, tỉnh Kon Tum với Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Về án phí: Buộc D phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25-9-2024). Anh Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người liên quan;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- VKSND huyện, tỉnh;
- Cơ quan điều tra cấp huyện;
- Cơ quan THAHS; THADS cấp huyện;
- Trại tạm giam (nhà tạm giữ CA huyện);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Hảo